

UNIT 7:**POLLUTION****GATting STARTED****I/ NEW WORDS:**

- dump	(v) : vứt, bỏ (n) bãi rác
- aquatic	(adj) : dưới nước
- illustrate	(v) : minh họa
- substance	(n) : vật chất, của cải
- radioactive pollution	(n) : ô nhiễm phóng xạ
- thermal pollution	(n) : ô nhiễm nhiệt
- visual pollution	(n) : ô nhiễm thị giác
- contain	(v) : chứa đựng, bao gồm
- fume	(n) : khói, hơi khói
- radiation	(n) : phóng xạ
- groundwater	(n) : nước ngầm
- surface	(n) : bề mặt
- billboard	(n) : biển q.cáo ngoài trời
- seriousness	(n) : tính nghiêm trọng
- household expense	(n) : chi tiêu trong gia đình

